TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 02 năm 2022
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quốc Dũng

2. Bà Phan Thị Yến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/QĐST-HN, ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 59/1, hẻm Rạch Mương X, khóm Tây H 1, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh A. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Hữu T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 59/1, hẻm Rạch Mương X, khóm Tây H 1, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Hữu T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện Tháp M vào ngày

02/02/2004, hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn nên bà V yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phan Pic T, sinh năm 1992, đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Hữu T mặc dù đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị V. Tại phiên tòa, ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau: Thẩm phán chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý giải quyết. Thủ tục tống đạt, niêm yết đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V đối với ông Phan Hữu T.

Về con chung: Con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Hữu T, ông T cư ngụ tại địa chỉ 59/1, khóm Tây H 1, phường Mỹ H, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng ông Phan Hữu T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị V không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Hữu T.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà V trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà V yêu cầu ly hôn ông T.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường Mỹ H ngày 03/11/2021 thể hiện: Đương sự Phan Hữu T, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 59/1, khóm Tây H 1, phường Mỹ H, thành phố L.

[4] Qua lời trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Phan Hữu T vắng mặt. Do ông T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án ban hành thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và có ấn định thời hạn cho ông T nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ khi giải quyết vụ án. Nhưng hết thời hạn ấn định, ông T vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu gì nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử động viên bà V tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà V vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V được ly hôn ông T, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phan Pic T, sinh năm 1992, đã thành niên và có khả năng lao động.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết, có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Phan Hữu T.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phan Pic T, sinh năm 1992, đã thành niên và có khả năng lao động.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000590, ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh A;
- VKS ND TP L;
- Thi hành án DS TP L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa